

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**Huyện Tân Hiệp**  
Tỉnh Kiên Giang

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:10/2018/HNGĐ- ST

Ngày 12/02/2018.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoàn**

**Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**

**2. Ông Đinh Khắc Việt**

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký**  
Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1997 (có mặt).**

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

**- Bị Đơn : Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997 (có mặt).**

Địa chỉ: ấp T A 2, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Chí C trình bày: tôi và cô Nguyễn Thị M chung sống với nhau vào tháng 5 năm 2016, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 14 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Sau khi cưới vợ chồng tôi về nhà cha mẹ tôi sống khoảng hơn 02 tháng, sau đó vợ chồng tôi về nhà cha mẹ vợ sống khoảng 04 tháng.

Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay có lời qua tiếng lại với nhau trong thời gian chung sống, thường xuyên cự cãi những điều vô lý, vợ tôi không chịu theo tôi về nhà tôi sinh sống, từ đó hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, tôi có khuyên vợ tôi nhiều lần nhưng vợ tôi vẫn không thay đổi, vì vậy tôi đã sống ly thân với cô M từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay.

Nay tôi xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến nay đã đổ vỡ không thể hàn gắn được.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Cha mẹ tôi cho 8,5 chỉ vàng 24k, cha mẹ vợ cho 10 chỉ vàng 24k, sau đó vợ chồng đã bán số vàng trên để mua 01 dàn lú gồm 30 cái, 01 dàn chúm gồm 54 cái, 01 vỏ đồ meca Cà Mau dài 8,5 mét, 01 máy xới tay, 01 máy dầu và 01 chiếc chet sắt.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

#### **Tại phiên tòa anh C yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với cô Nguyễn Thị M.

Về quan hệ con chung: không có.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* **Bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:** Qua lời trình bày của anh C về ngày, tháng, năm chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

#### **Tại Tòa án chị M yêu cầu:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Chí C.

Về quan hệ con chung: không có

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày:** Qua lời trình bày của vợ chồng Nguyễn Chí C và Nguyễn Thị M như trên là đúng, giữa hai bên gia đình có dàn xếp, hòa giải hàn gắn lại cho C và M nhưng không thành, từ đó đến nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tôi nhận thấy C và M không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Tôi đồng ý cho C và M được ly hôn.

C có mượn vợ chồng tôi 01 chiếc chet sắt và 01 chiếc xe Wave biển số 68T2-2715 và C đã giao lại 01 chiếc chet sắt và 01 chiếc xe Wave biển số 68T2-2715 cho vợ chồng tôi.

#### **Tại Tòa án bà N yêu cầu:**

Tôi xin được rút đơn yêu cầu độc lập ngày 08/6/2017, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Chí C và chị Nguyễn Thị M là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh C và chị M chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì anh C, chị M chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ tài sản chung:** do anh C và chị M tự thỏa thuận về phần tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] **Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Do tại phiên tòa hôm nay bà N làm đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập ngày 08/6/2017 và anh C, chị M cũng không có ý kiến gì về việc rút đơn yêu cầu độc lập của bà N. Do đó Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà N theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

**Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** Anh Nguyễn Chí C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009986 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do bà Trần Thị N rút đơn yêu cầu độc lập. Do đó trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị N số tiền là 612.500đ (sáu trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007492 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

## **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Chí C và chị Nguyễn Thị M là vợ chồng.

**2.** Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Trần Thị N.

**3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** Buộc anh Nguyễn Chí C nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009986 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh C đã nộp đủ.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị N số tiền là 612.500đ (sáu trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007492 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Thị M và bà Trần Thị N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

## **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nông Đình Đoài**